

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện thí điểm tiếp nhận trực tuyến và danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp thuộc phạm vi quản lý nhà nước Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Huế về việc phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1505/TTr-SKHCN 05 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục 71 thủ tục hành chính (TTHC) được thực hiện thí điểm tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến và danh mục 44 TTHC cắt giảm thời gian giải quyết tại Sở Khoa học và Công nghệ khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp thuộc phạm vi quản lý nhà nước Sở Khoa học và Công nghệ. *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

1. Tổ chức xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC đảm bảo theo thời gian quy định tại Phụ lục đính kèm, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trước ngày 25/6/2025.

2. Thiết lập quy trình điện tử vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố, hoàn thành trước ngày 28/6/2025; Thực hiện niêm yết, công khai và tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính trên các phương tiện truyền thông, thông tin đại chúng.

3. Kể từ ngày làm việc Quyết định này có hiệu lực, tổ chức thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian được phê duyệt tại Phụ lục được đính kèm tại Quyết định này; định kỳ hằng tháng tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện để UBND thành phố theo dõi, chỉ đạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày làm việc ký.

Thay thế các TTHC có số thứ tự từ số 27 đến số 33 và từ số 96 đến số 98 Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh (nay là thành phố) về phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Trung tâm PVHCC, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, KSVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN CHỈ THỰC HIỆN TIẾP NHẬN BẰNG HÌNH THỨC TRỰC
TUYỂN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HUẾ**

(Kèm theo Quyết định số 1745 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)
I	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ (39 TTHC)
1.	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (3.00025)
2.	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ (1.008377)
3.	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác (1.008379)
4.	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước (2.002709)
5.	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước (2.002710)
6.	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước (2.002711)
7.	Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước (2.002722)
8.	Thủ tục tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước (2.002723)
9.	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước (2.002724)
10.	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (2.002502)
11.	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người (2.000079)
12.	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người (2.002144)

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)
13.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (2.002248)
14.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (2.002249)
15.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (2.002544)
16.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (2.002546)
17.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (2.002548)
18.	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (1.012353)
19.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.011818)
20.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (1.011820)
21.	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.011819)
22.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (1.001786)
23.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (1.001770)
24.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (1.001747)
25.	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (1.001716)
26.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (1.001693)
27.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (1.001677)

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)
28.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (1.011814)
29.	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến (1.011815)
30.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực (1.011816)
31.	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (2.001143)
32.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ (2.001137)
33.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ (1.002690)
34.	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (2.001643)
35.	Đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (1.006427)
36.	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ (2.001179)
37.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (2.002278)
38.	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (2.001525)
39.	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (1.011812)
II	Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân (07 TTHC)
1.	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế) (2.002379)
2.	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002380)
3.	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002381)

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)
4.	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002382)
5.	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002383)
6.	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002384)
7.	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002385)
III	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (12 TTHC)
1.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận (2.001209)
2.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (2.001207)
3.	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành (2.001277)
4.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân (2.002253)
5.	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (2.001208)
6.	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (2.001100)
7.	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (2.001501)
8.	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (2.001259)
9.	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (1.001392)
10.	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia (2.001269)
11.	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng (2.000212)
12.	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng (1.000449)

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)
IV	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (03 TTHC)
1.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (1.011938)
2.	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (1.011939)
3.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (1.011937)
V	Lĩnh vực Bưu chính (07 TTHC)
1.	Cấp giấy phép bưu chính (1.003659)
2.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (1.003687)
3.	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (1.003633)
4.	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (1.004379)
5.	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (1.004470)
6.	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (1.005442)
7.	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (1.010902)
VI	Trồng trọt (02 TTHC)
1.	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (1.012075)
2.	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (1.012074)
VII	Lĩnh vực Viễn thông (01 TTHC)
1.	Hỗ trợ phương tiện nghe nhìn cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng (1.011829)

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT KHI NỘP HỒ SƠ
BẰNG HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN SO VỚI HÌNH THỨC NỘP HỒ SƠ TRỰC TIẾP THUỘC PHẠM VI QUẢN
LÝ NHÀ NƯỚC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HUẾ
(Kèm theo Quyết định số 1745 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết		Thời gian giảm	Tỷ lệ cắt giảm
		Quy định	Giảm còn		
I	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ				
1.	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (3.000259)	25 ngày	23 ngày	2 ngày	8%
2.	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ (1.008377)	+ 75 ngày (đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp hạng I); + 60 ngày (đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II)); + 45 ngày (Đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức	+ 73 ngày (đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp hạng I); + 58 ngày (đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II)); + 43 ngày (Đối với xét tiếp nhận vào viên chức	2 ngày	3% - 4%

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết		Thời gian giảm	Tỷ lệ cắt giảm
		Quy định	Giảm còn		
		danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV)), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III)), kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ theo quy định.	và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV)), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III)), kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ theo quy định.		
3.	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác (1.008379)	+ 75 ngày, kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ đối với xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cấp cấp (chức danh hạng I); + 60 ngày, kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ đối với xét bổ nhiệm đặc cách chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (chức danh hạng II); + 30 ngày đối với xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên,	+ 73 ngày, kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ đối với xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cấp cấp (chức danh hạng I); + 58 ngày, kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ đối với xét bổ nhiệm đặc cách chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (chức danh hạng II); + 28 ngày đối với xét đặc cách bổ nhiệm	2 ngày làm việc	3%; 3%; 7%

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết		Thời gian giảm	Tỷ lệ cắt giảm
		Quy định	Giảm còn		
		kỹ sư (chức danh hạng III), kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ theo quy định.	chức danh nghiên cứu viên, kỹ sư (chức danh hạng III), kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ theo quy định.		
4.	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (1.012353)	23 ngày làm việc, đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thời hạn giải quyết: 43 ngày làm việc đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thời hạn giải quyết có thể kéo dài thêm 20 ngày làm việc	21 ngày làm việc, đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thời hạn giải quyết: 41 ngày làm việc đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thời hạn giải quyết có thể kéo dài thêm 20 ngày làm việc	02 ngày làm việc	5-10%
5.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (1.011814)	25 ngày làm việc	22 ngày làm việc	03 ngày làm việc	12%
6.	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến (1.011815)	25 ngày làm việc	22 ngày làm việc	03 ngày làm việc	12%
7.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ	25 ngày làm việc	22 ngày làm việc	03 ngày	12%

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết		Thời gian giảm	Tỷ lệ cắt giảm
		Quy định	Giảm còn		
	được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực (1.011816)			làm việc	
8.	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (2.001143)	30 ngày	27 ngày	03 ngày	10%
9.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ (2.001137)	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	1 ngày làm việc	7%
10.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ (1.002690)	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	1 ngày làm việc	7%
11.	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (2.001643)	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	1 ngày làm việc	7%
12.	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (1.011812)	25 ngày làm việc	22,5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	10%
13.	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi	45 ngày làm việc	42 ngày làm việc	3 ngày làm việc	7%

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết		Thời gian giảm	Tỷ lệ cắt giảm
		Quy định	Giảm còn		
	ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người (2.000079)				
14.	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người (2.002144)	45 ngày làm việc	42 ngày làm việc	3 ngày làm việc	7%
15.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (1.001786)	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	1 ngày làm việc	7%
16.	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (1.001716)	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	1 ngày làm việc	7%
II	Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân				
1.	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế) (2.002379)	10 ngày làm việc	8,5 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	15%
2.	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002380)	25 ngày	22 ngày	03 ngày	12%
3.	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002381)	25 ngày	22 ngày	03 ngày	12%

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết		Thời gian giảm	Tỷ lệ cắt giảm
		Quy định	Giảm còn		
4.	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002382)	10 ngày làm việc	8,5 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	15%
5.	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002383)	25 ngày	22 ngày	03 ngày	12%
6.	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002384)	10 ngày làm việc	8,5 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	15%
7.	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002385)	05 ngày làm việc	4,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	10%
III	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (03 TTHC)				
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (1.011937)	30 ngày	26 ngày	04 ngày	13,33%
2.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (1.011938)	20 ngày	17 ngày	03 ngày	15%
3.	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (1.011939)	90 ngày	80 ngày	10 ngày	11,11%
IV	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường, Chất lượng (11 TTHC)				
1.	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng (2.000212)	5 ngày làm việc	4.5 ngày làm việc	0.5 ngày làm việc	10%
2.	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng (1.000449)	5 ngày làm việc	4.5 ngày làm việc	0.5 ngày làm việc	10%

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết		Thời gian giảm	Tỷ lệ cắt giảm
		Quy định	Giảm còn		
3.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (2.002253)	15 ngày làm việc	13.5 ngày làm việc	1.5 ngày làm việc	10%
4.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận (2.001209)	5 ngày làm việc	4.5 ngày làm việc	0.5 ngày làm việc	10%
5.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (2.001207)	5 ngày làm việc	4.5 ngày làm việc	0.5 ngày làm việc	10%
6.	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành (2.001277)	5 ngày làm việc	4.5 ngày làm việc	0.5 ngày làm việc	10%
7.	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh) (2.001208)	28 ngày làm việc	24 ngày làm việc	4 ngày làm việc	15%
8.	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (cấp tỉnh) (2.001100)	28 ngày làm việc	24 ngày làm việc	4 ngày làm việc	15%
9.	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh) (2.001501)	5 ngày làm việc	4.5 ngày làm việc	0.5 ngày làm việc	10%
10.	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (1.001392)	5 ngày làm việc	4.5 ngày làm việc	0.5 ngày làm việc	10%

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết		Thời gian giảm	Tỷ lệ cắt giảm
		Quy định	Giảm còn		
11.	Thủ tục Đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia (2.001269)	45 ngày làm việc	5 ngày làm việc	40 ngày làm việc	11,11%
V	Lĩnh vực Bưu chính (07 TTHC)				
1.	Cấp giấy phép bưu chính trong phạm vi nội tỉnh (1.003659)	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	4 ngày làm việc	20%
2.	Cấp lại Giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (1.004379)	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	1 ngày làm việc	14%
3.	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (1.004470)	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc	2 ngày làm việc	20%
4.	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (1.005442)	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	1 ngày làm việc	14%
5.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bưu chính trong phạm vi nội tỉnh. (1.003687)	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc	2 ngày làm việc	20%
6.	Cấp lại Giấy phép bưu chính khi hết hạn (1.003633)	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc	2 ngày làm việc	20%
7.	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (1.010902)	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc	2 ngày làm việc	20%

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ